

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,129,339,289,848	1,544,742,123,202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	116,025,295,228	32,670,003,078
1. Tiền	111		13,375,295,228	12,670,003,078
2. Các khoản tương đương tiền	112		102,650,000,000	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,832,410,105	111,075,216,070
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	11,983,549,555	112,226,355,520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1,151,139,450)	(1,151,139,450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		815,268,261,792	588,801,052,223
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	620,483,480,399	165,455,841,347
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	177,377,272,828	406,613,533,480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	19,912,317,612	19,236,486,443
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2,504,809,047)	(2,504,809,047)
IV. Hàng tồn kho	140		1,170,443,894,920	772,114,350,502
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,170,443,894,920	772,114,350,502
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,769,427,803	40,081,501,329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	379,613,187	53,952,248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9,278,869,605	31,985,468,215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	7,110,945,011	8,042,080,866

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167,483,106,884	141,333,998,989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		108,298,974,645	81,875,178,366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	79,552,088,613	69,083,323,968
<i>Nguyên giá</i>	222		122,401,982,055	101,720,640,041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42,849,893,442)	(32,637,316,073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	11,352,787,487	11,461,533,636
<i>Nguyên giá</i>	228		12,111,129,886	12,074,484,886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(758,342,399)	(612,951,250)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	17,394,098,545	1,330,320,762
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	1,976,837,740	2,115,834,145
<i>Nguyên giá</i>	241		2,409,271,000	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(432,433,260)	(293,436,855)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50,934,397,738	51,560,910,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	3,000,000,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	24,274,397,738	27,900,910,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	23,660,000,000	23,660,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,272,896,761	5,782,076,478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	1,724,997,257	1,475,825,029
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	3,585,706,649	3,585,706,649
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	962,192,855	720,544,800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,296,822,396,732	1,686,076,122,191

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,120,715,560,279	1,334,990,391,354
I. Nợ ngắn hạn	310		969,929,134,024	1,184,568,008,541
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	116,380,226,768	597,393,183,131
2. Phải trả người bán	312	V.22	205,959,358,826	91,925,952,987
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	215,042,855,081	282,337,113,571
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	12,031,479,527	9,634,544,914
5. Phải trả người lao động	315	V.25	2,724,411,344	1,810,636,890
6. Chi phí phải trả	316	V.26	205,627,755,641	12,177,973,794
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	191,226,044,843	166,475,837,730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	18,930,214,720	11,328,596,313
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	2,006,787,274	11,484,169,211
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		150,786,426,255	150,422,382,813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	150,400,000,000	150,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.31	386,426,255	422,382,813
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,169,720,228,386	351,085,730,837
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,169,720,228,386	351,085,730,837
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	1,000,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	1,841,123,840	2,062,223,840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.32	4,640,739,814	4,812,860,786
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.32	-	(439,592,214)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.32	28,331,589,757	28,675,831,702
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	13,537,934,890	13,710,055,862
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	121,368,840,085	102,264,350,861
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.33	6,386,608,067	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,296,822,396,732	1,686,076,122,191

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		10,000,000		-
5. Ngoại tệ các loại		-		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-

Bình Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2011


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu
Lý Thị Bình
Kế toán trưởng
Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	300,801,352,247	162,433,494,023	1,052,975,649,679	513,540,417,634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7,041,862,498	992,318,182	12,586,239,771	2,054,136,364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	293,759,489,749	161,441,175,841	1,040,389,409,908	511,486,281,270
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	239,945,690,779	136,743,186,474	871,412,510,233	425,725,103,285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53,813,798,970	24,697,989,367	168,976,899,675	85,761,177,985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,687,793,690	5,965,137,858	15,960,526,507	17,581,174,773
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5,919,656,583	2,705,637,906	16,961,034,070	7,466,902,908
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,814,032,683	1,319,097,965	15,626,734,330	5,932,427,293
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9,577,065,420	8,817,893,061	29,002,794,345	19,097,037,109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,052,042,971	5,148,171,917	24,620,050,692	14,180,599,587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,952,827,686	13,991,424,341	114,353,547,075	62,597,813,154
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,837,103,898	7,522,978,506	19,598,047,575	15,725,881,873
12. Chi phí khác	32		12,149,797	211,136,756	40,214,096	1,107,667,954
13. Lợi nhuận khác	40		3,824,954,101	7,311,841,750	19,557,833,479	14,618,213,919
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		94,755,823		53,981,296	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43,872,537,610	21,303,266,091	133,965,361,850	77,216,027,073
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	10,211,779,724	5,040,658,129	32,650,873,309	18,674,176,824
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		-	-



18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	33,660,757,886	16,262,607,962	101,314,488,541	58,541,850,249
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	257,885,299		736,808,442	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	33,402,872,587		100,577,680,099	58,541,850,249
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9		1,429	2,927

Bình Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2011



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		531,276,170,463	377,619,209,553
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-	468,775,717,028	- 245,145,726,563
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-	29,020,024,708	- 15,254,130,442
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	15,642,760,085	- 5,934,571,582
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	31,347,820,760	- 24,932,183,646
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		975,526,518,055	25,637,548,919
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-	298,092,335,572	- 71,768,094,783
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>663,924,030,365</i>	<i>40,222,051,456</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	1,506,648,637	- 19,970,711
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,647,395	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	67,614,852,135	- 7,072,071,405
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		167,351,040,000	2,881,937,720
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	1,000,000,000	- 25,545,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8,591,470,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15,581,416,633	18,763,665,676
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>112,812,603,256</i>	<i>- 2,399,968,720</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		15,651,664,057	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	220,000,000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16,379,055,918	165,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	724,933,976,990	- 154,373,762,662
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	498,278,000	- 11,338,446,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		- 693,621,535,015	- 712,208,662
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		83,115,098,606	37,109,874,074
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32,910,196,622	112,210,442,287
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	116,025,295,228	149,320,316,361

Bình Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2011

Họ và tên
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyệt Nga

Họ và tên
Kế toán trưởngHọ và tên
Tổng Giám đốc/Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**1. Hình thức sở hữu vốn**

2. của công ty mẹ : Công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.

4. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Sản xuất lắp ráp cửa các loại.

5. Tổng số các công ty con : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

6. Danh sách Công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	72,60%	72,60%

7. Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH Tân Khu thương mại dịch vụ tái định cư Mỹ Thạnh Mỹ	Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số liệu ảnh hưởng không đáng kể

8. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex.	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Đường D8, Khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	55,15%	36,50%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 Tập đoàn có 615 nhân viên đang làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 422 nhân viên).

10. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm Doanh thu và lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2011 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước do số lượng hàng hóa và bất động sản tiêu thụ tăng mạnh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, để đang chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	03 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

30/09/2011 : 20.628 VND/USD

2.0 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

2.1 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

2.2 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.952.629.357	377.636.739
Tiền gửi ngân hàng	11.422.665.871	12.292.366.339
Các khoản tương đương tiền (*)	102.650.000.000	20.000.000.000
Cộng	116.025.295.228	32.670.003.078

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		11.983.549.555		12.226.355.520
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	261.409	3.305.620.570	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	107.039	2.341.702.950
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)			80.000	1.657.642.000
- Công ty CP phát triển Đô Thị (UDJ)	83.000	553.856.600		
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	445.916	4.921.390.000	445.916	4.921.390.000
Đầu tư ngắn hạn khác				1.000.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm		-		100.000.000.000
Cộng		11.983.549.555		112.226.355.520

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hóa	242.122.265.739	96.186.860.993
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	378.361.214.660	69.268.980.354
Cộng	620.483.480.399	165.455.841.347

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	162.392.656.438	402.285.929.794
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	14.984.616.390	4.327.603.686
Cộng	177.377.272.828	406.613.533.480

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	-	3.210.000.000
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	13.058.646.059	10.513.125.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.646.694.031	2.137.653.539
Cổ tức phải thu	-	940.000.000
Chi phí chi cho dự án Tân Thạnh Mỹ chờ quyết toán	342.392.885	342.392.885
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	770.041.176	805.675.269
Ứng tiền thực hiện ủy thác	1.369.828.193	-
Phải thu khác	1.724.715.268	1.287.638.892
Cộng	19.912.317.612	19.236.486.443

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.560.925.355	1.560.925.355
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	90.344.709	90.344.709
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	61.200.178	61.200.178
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	792.338.806	792.338.806
Cộng	2.504.809.047	2.504.809.047

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.884.441.901	5.557.840.496
Công cụ dụng cụ	982.546.018	162.721.546
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.075.864.272.555	711.829.404.647
Thành phẩm	1.970.777.465	2.074.799.388
Hàng hóa	81.741.856.981	52.481.102.525
Hàng gửi đi bán	-	8.481.900
Cộng	1.170.443.894.920	772.114.350.502

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	379.613.187	53.952.248
Chi phí khác	-	-
Cộng	379.613.187	53.952.248

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.672.530.755	6.921.843.168
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	438.414.256	1.120.237.698
Cộng	7.110.945.011	8.042.080.866

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.804.711.452	13.698.615.948	75.547.030.301	1.587.021.255	83.261.085	101.720.640.041
Tăng do hợp nhất kinh doanh	10.400.343.753	1.900.598.019	373.182.771	42.054.560	25.040.000	12.741.219.103
Mua sắm mới	-	1.155.045.454	4.825.695.961	493.798.459	-	6.474.539.874
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	871.109.562	-	-	-	-	871.109.562
Tăng khác	630.146.333	-	-	-	-	630.146.333
Giảm do thanh lý	-	(35.672.858)	-	-	-	(35.672.858)
Số cuối kỳ	22.706.311.100	16.718.586.563	80.745.909.033	2.122.874.274	108.301.085	122.401.982.055
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.002.670	112.811.600	1.304.946.000	861.595.287	83.261.085	2.395.616.642
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.224.712.178	4.400.427.880	23.897.971.523	1.030.943.407	83.261.085	32.637.316.073
Tăng do hợp nhất kinh doanh	568.042.680	231.681.442	124.450.480	10.513.636	5.216.669	939.904.907
Khấu hao trong kỳ	1.387.962.513	1.276.425.662	6.399.968.913	230.358.396	1.738.890	9.296.454.374
Giảm do thanh lý	-	(23.781.912)	-	-	-	(23.781.912)
Số cuối kỳ	5.180.717.371	5.884.753.072	30.422.390.916	1.271.815.439	90.216.644	42.849.893.442
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.579.999.274	9.298.188.068	51.649.058.778	556.077.848	-	69.083.323.968
Số cuối kỳ	17.525.593.729	10.833.833.491	50.323.518.117	851.058.835	18.084.441	79.552.088.613
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 100.654.736.269 VND và 59.806.466.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.966.929.143	107.555.743	12.074.484.886
Mua sắm mới	-	36.645.000	36.645.000
Số cuối kỳ	11.966.929.143	144.200.743	12.111.129.886
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	505.395.507	107.555.743	612.951.250
Khấu hao trong kỳ	137.247.813	8.143.336	145.391.149
Số cuối kỳ	642.643.320	115.699.079	758.342.399

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.461.533.636	-	11.461.533.636
Số cuối kỳ	11.324.285.823	28.501.664	11.352.787.487
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	1.001.087.031	2.437.996.100
XDCB dở dang	329.233.731	14.956.102.445
Cộng	1.330.320.762	17.394.098.545

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.409.271.000	293.436.855	2.115.834.145
Khấu hao trong năm	-	138.996.405	
Số cuối kỳ	2.409.271.000	432.433.260	1.976.827.740

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

15. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602001658 ngày 21 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ với số vốn là 8.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND, tương đương 79,37% vốn đầu tư. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ là 5.000.000.000 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet ^(a)	Sản xuất nước uống tinh khiết	50,00%	3.166.030.677	50,00%	2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ^(a)	Sản xuất xi măng các loại	20,00%	4.205.959.116	20,00%	4.400.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Xây dựng công trình dân dụng	-	-	50,00%	3.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt ^(a)	Xây dựng nhà ở và công trình dân dụng	36,50%	2.482.822.905	36,50%	865.000.000
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	Sản xuất các loại cửa	-	-	50,00%	3.000.000.000
Trường đại học quốc tế Miền Đông ^(a)	Đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học	24,00%	14.400.000.000	24,00%	14.400.000.000
Cộng			24.254.812.698		27.900.910.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trưởng ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt với số vốn là 2.400.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.884.000.000 VND, tương đương 36,05% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Trường đại học quốc tế Miền Đông với số vốn là 14.400.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	2.235.910.000	679.286.251	356.586.037	-	-	3.271.782.288
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	4.400.000.000	(1.474.062.791)	392.239.338	1.000.000.000	-	4.318.176.548
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	865.000.000	95.282.981	(694.844.079)	2.019.000.000	-	2.284.438.902
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Trường đại học quốc tế Miền Đông	14.400.000.000	-	-	-	-	14.400.000.000
Cộng	27.900.910.000	(699.493.559)	53.981.296	3.019.000.000	(6.000.000.000)	24.274.397.738

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
Cộng		23.660.000.000		23.660.000.000

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	734.809.100	1.385.887.618
Chi phí thuê văn phòng	284.400.000	39.600.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	456.615.929	299.509.639
Cộng	1.475.825.029	1.724.997.257

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	115.445.582.899	121.829.358.131
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	475.563.825.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	934.643.869	-
Cộng	116.380.226.768	597.393.183.131

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.**22. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	156.572.587.222	62.249.644.899
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	49.386.771.604	29.676.308.088
Cộng	205.959.358.826	91.925.952.987

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**23. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả tiền trước liên quan các dịch vụ khác	2.461.137.102	13.617.963.691
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	212.581.717.979	268.719.149.880
Cộng	215.042.855.081	282.337.113.571

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	220.858.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.609.258.380	11.430.239.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.923.041.794	330.185.250
Thuế thu nhập cá nhân	102.244.740	50.196.581
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	9.634.544.914	12.031.479.527

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	133.965.361.850	56.122.387.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(3.361.868.616)	(1.378.686.200)
Thu nhập chịu thuế	130.603.493.234	54.743.701.742
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	32.650.873.309	13.685.925.435

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 02% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Lương tháng 9 chưa chi.

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	9.975.750.000
Trích trước chi phí công trình	205.529.785.323	2.202.223.794
Chi phí khác	97.970.318	-
Cộng	205.627.755.641	12.177.973.794

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	60.946.840	76.475.831
Cổ tức phải trả	190.432.124	105.682.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	154.845.451.650	149.025.289.000
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	8.209.655.750	15.338.917.800
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	1.000.000.000	640.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	125.999.039	494.854.358
Nhận ký quỹ môi giới	25.028.605.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.764.954.440	794.618.617
Cộng	191.226.044.843	166.475.837.730

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng và sản phẩm hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	11.328.596.313
Số cuối kỳ	18.930.214.720

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	8.691.962.085	1.569.924.225
Quỹ phúc lợi	1.329.634.969	88.715.086
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.462.572.157	348.147.963
Cộng	11.484.169.211	2.006.787.274

30. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza. và vay NH Đầu tư và Phát triển BD để mua TSCĐ

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Dưới 01 năm	-
Trên 01 năm đến 05 năm	150.400.000.000
Tổng nợ	150.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**31. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	422.382.813
Số đã chi	(35.956.558)
Số cuối kỳ	<u>386.426.255</u>

32. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

33. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.649.799.625
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	<u>736.808.442</u>
Số cuối kỳ	<u>6.386.608.067</u>

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.052.975.649.679	344.809.526.265
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	294.615.456.590	74.928.025.841
- Doanh thu thành phẩm	155.959.034.905	107.568.551.963
- Doanh thu xây dựng dự án, KD BĐS	596.277.914.737	158.537.770.401
- Doanh thu khác	6.123.243.447	3.775.178.060
Hàng bán bị trả lại	(12.586.239.771)	(1.061.818.182)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	1.040.389.409.908	343.747.708.083
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	294.615.456.590	74.928.025.841
- Doanh thu thuần thành phẩm	155.959.034.905	107.568.551.963
- Doanh thu thuần xây dựng dự án	583.691.674.966	157.475.952.219
- Doanh thu thuần khác	6.123.243.447	3.775.178.060
2. Giá vốn hàng bán		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	270.387.070.699	69.197.305.415
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	147.866.816.654	97.391.641.976
Giá vốn xây dựng dự án, KD BDS	453.130.572.880	115.832.122.132
Giá vốn khác	28.050.000	53.822.982
Cộng	871.412.510.233	282.474.892.505
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	10.736.282.276	3.622.157.035
Lãi đầu tư cổ phiếu	160.000.000	6.595.566.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.367.155.900	1.378.686.200
Lãi bán hàng trả chậm	2.659.228.403	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	37.859.928	19.627.680
Cộng	15.960.526.507	11.616.036.915
4. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.539.972.485	4.614.092.367
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	506.618.100	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	669.854.500	-
Chi phí tài chính khác	244.588.985	147.172.635
Cộng	16.961.034.070	4.761.265.002
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	100.577.680.099	42.436.462.507
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	100.577.680.099	42.436.462.507

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	70.370.370	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.429	2.122

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 4 năm 2011	50.370.370	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.370.370	20.000.000

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.911.418.881	141.575.510
Chi phí nhân công	29.208.759.335	1.334.864.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.473.899.202	318.737.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.085.043.069	6.121.799.985
Chi phí khác	29.564.726.466	1.268.102.159
Cộng	249.243.846.953	9.185.079.948

1. Thông tin khác

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương lập Báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm 2011 là số liệu của Công ty mẹ - Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương.

Bình Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2011


Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 10/1 đường Đặng Khôi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	2,062,223,840	4,812,860,786	(439,592,214)	28,675,831,702	13,710,055,862	102,264,350,861	351,085,730,837
Tăng vốn trong kỳ	800,000,000,000	-	-	-	-	-	-	800,000,000,000
Chi phí phát hành	-	(221,100,000)	-	-	-	-	-	(221,100,000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	100,577,680,099	100,577,680,099
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(1,635,565,184)	(1,635,565,184)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	(172,120,972)	-	(344,241,945)	(172,120,972)	1,067,150,028	378,666,139
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	439,592,214	-	-	-	439,592,214
Giảm từ nội bộ	-	-	-	-	-	-	(205,282,161)	(205,282,161)
Tăng giá trị phân sở hữu trong Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(699,493,558)	(699,493,558)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(80,000,000,000)	(80,000,000,000)
Số dư cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	-	28,331,589,757	13,537,934,890	121,568,840,085	1,169,720,228,386

Bình Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2011

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

